

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-PT
Ngày 16 - 5 - 2023
V/v tranh chấp tài sản sau khi
ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Ông Trần Duy Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà
Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử
phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2023/TLPT-HNGĐ
ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn*”. Do bản
án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 134/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm
2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐPT-DS ngày 03 tháng 4 năm
2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thiên V; Sinh năm 1986, địa chỉ: đường Y,
phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thiên V: Ông Tạ Quang T,
địa chỉ: đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Đỗ Anh T1 - Sinh năm: 1985, địa chỉ: đường H2, phường T3,
thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Anh T1: Bà Trần Thị C, địa chỉ:
đường L, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Đỗ Minh
H1 - Sinh năm: 1957 và bà Trần Thị D - Sinh năm 1962, địa chỉ: đường H2,
phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Minh H1: Luật sư Nguyễn Ngọc Bảo C1, địa chỉ: đường L, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tạ Quang T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thiên V và ông Đỗ Anh T1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2012, đến tháng 5 năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Ngày 04/9/2020, bà Nguyễn Thị Thiên V nộp đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết ly hôn với ông Đỗ Anh T1, về con chung và tài sản chung.

Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 15/2021/HNGĐ-PT ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã giải quyết việc ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thiên V và ông Đỗ Anh T1, giải quyết về con chung và tài sản chung.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2022/HNGĐ-GĐT ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định: Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 15/2021/HNGĐ-PT ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần chia tài sản chung.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị Thiên V đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung sau: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với căn nhà và đất tại địa chỉ đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật mỗi người được 50% giá trị tài sản.

Bà Nguyễn Thị Thiên V chấp nhận mức giá thị trường đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 1, tại đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và giá trị toàn bộ tài sản trên đất là 6.485.340.000 đồng (sáu tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn). Trong đó mức giá thị trường đối với quyền sử dụng đất là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng chẵn), mức giá thị trường đối với toàn bộ tài sản trên đất là 485.340.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn). Chấp nhận việc xác định giá trị sửa chữa căn nhà tại đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mà ông H1 và bà D đưa ra là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tạ Quang T đề nghị phân chia tài sản chung như sau: Sau khi khấu trừ số tiền 800.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được công chứng ngày 07/12/2017 tại Văn phòng công chứng T4 giữa bên chuyển nhượng: Ông Lê Công H3 với bên nhận chuyển nhượng: Ông Đỗ Anh T1 và bà Nguyễn Thị Thiên V và khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng giá trị sửa chữa căn nhà tại đường H2, số tiền còn lại là 5.585.340.000 đồng đề nghị Tòa án phân chia theo tỷ lệ ông Đỗ Anh T1 và bà Nguyễn Thị Thiên V mỗi người hưởng số tiền tương ứng với 50% giá trị là 2.792.670.000 đồng.

Đối với chiếc xe ô tô Biển kiểm soát X đứng tên ông Đỗ Anh T1 thì bà V và ông T1 đã thỏa thuận xong nên bà V có đơn rút yêu cầu phân chia đối với phần tài sản này.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là ông Đỗ Anh T1 trình bày:

Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với căn nhà và đất tại địa chỉ Đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của bố mẹ ông T1 là ông Đỗ Minh H1, bà Trần Thị D, không phải là tài sản của ông T1 và bà V.

Ông T1 đồng ý với ý kiến về giá trị tài sản của ông H1, bà D và bà V, chấp nhận mức giá thị trường đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 1, tại đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và giá trị toàn bộ tài sản trên đất là 6.485.340.000 đồng (sáu tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn). Trong đó mức giá thị trường đối với quyền sử dụng đất là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng chẵn), mức giá thị trường đối với toàn bộ tài sản trên đất là 485.340.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn). Chấp nhận việc xác định giá trị sửa chữa căn nhà tại đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mà ông H1 và bà D đưa ra là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn).

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Đỗ Minh H1 và bà Trần Thị D trình bày:

Về tài sản đối với nhà và đất tại địa chỉ đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của vợ chồng tôi mua của ông Lê Công H3, việc tiến hành mua bán do chính ông H1 và vợ là bà D thực hiện. Việc để cho bà Nguyễn Thị Thiên V và ông Đỗ Anh T1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là để thuận tiện cho các cháu làm thủ tục đăng ký hộ khẩu và cho các cháu đi học. Vợ chồng ông H1, bà D chưa cho tài sản này cho các con. Do đó, ông H1, bà D xác định đây là tài sản của vợ chồng ông H1, bà D và không đồng ý với yêu cầu

của bà V về phân chia tài sản trên, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện độc lập về việc đòi là tài sản đối với nhà và đất tại địa chỉ Đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ khi nhận chuyển nhượng vẫn do ông H1 bà D quản lý.

Ông Đỗ Minh H1 và bà Trần Thị D đồng ý với ý kiến về giá trị tài sản của ông H1, bà D và ông T1, chấp nhận mức giá thị trường đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 1, tại đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và giá trị toàn bộ tài sản trên đất là 6.485.340.000 đồng (sáu tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn). Trong đó mức giá thị trường đối với quyền sử dụng đất là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng chẵn), mức giá thị trường đối với toàn bộ tài sản trên đất là 485.340.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn). Chấp nhận việc xác định giá trị sửa chữa căn nhà tại đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mà ông H1 và bà D đưa ra là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn).

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 33, khoản 3 Điều 38, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng: Điều 12, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên V:

- Buộc ông Đỗ Anh T1 thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thiên V giá trị tài sản được chia với số tiền 1.675.602.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Đỗ Anh T1 được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 2/12/2017, số thửa 15, tờ bản đồ số 1, diện tích 293,8m². Có tứ cận: Phía đông giáp đường hẻm P có chiều ngang

7,4m; Phía tây giáp đường H2 dài 7,36m; Phía nam giáp thửa đất số 14 dài 40,01m; Phía bắc giáp thửa đất số 12 dài 39,63m. Trên đất có một căn nhà xây cấp 4 diện tích nhà 95,3m², tọa lạc tại địa chỉ: Đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Đỗ Anh T1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[1.2] Đình chỉ đối với yêu cầu chia 01 xe ô tô Biển kiểm soát X, người đứng tên trên giấy đăng ký xe Đỗ Anh T1.

[1.3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Đỗ Minh H1, bà Trần Thị D về việc buộc ông Đỗ Anh T1 và bà Nguyễn Thị Thiên V trả lại nhà đất tại địa chỉ: Đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[1.4] Đối với số tiền 427.663.000 đồng mà ông Đỗ Anh T1 tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị Thiên V tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, ngày 25/8/2021 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B gửi tiết kiệm không thời hạn theo Thông báo kết quả thi hành án số 1898/TB-CCTHADS ngày 10/02/2022 được xử lý theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự trong quá trình thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/9/2022, bà Nguyễn Thị Thiên V có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia tài sản theo tỷ lệ 50:50.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên V đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm phân chia cho bà V được hưởng 40% giá trị tài sản chung nêu trên, ngoài ra bà V giữ nguyên những quan điểm, ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên V, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 134/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Chia cho bà V được hưởng 40% giá trị tài sản chung và ông T1 được hưởng 60% giá trị tài sản chung.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên V được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên V, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ, lời khai có trong hồ sơ vụ án và lời khai của ông Đỗ Minh H1, bà Trần Thị D là bố mẹ ông T1 và lời khai của ông Lê Công H3 và bà Đinh Thị L1 (là người đã bán nhà và đất cho ông H1, bà D), tài sản là nhà và đất tọa lạc tại đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C cấp năm 2017, số thửa 15, tờ bản đồ số 1, diện tích 293,8m² là tài sản D nhận chuyển nhượng từ ông H3, bà L1 và toàn bộ tiền mua đất, tiền sửa chữa nhà là của ông H1, bà D. Ông T1 và bà V là người ký hợp đồng chuyển nhượng, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trực tiếp quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất sau khi nhận chuyển nhượng. Như vậy, tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông T1 bà V theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Tại thời điểm mua, tài sản nêu trên trị giá 3.838.000.000 đồng. Hiện nay, các bên đồng ý với giá thị trường đối với tài sản trên là 6.485.340.000 đồng. Bà V yêu cầu chia tài sản như sau: sau khi khấu trừ số tiền 800.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 100.000.000 đồng giá trị sửa chữa căn nhà tại đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Tòa án phân chia số tiền còn lại là 5.585.340.000 đồng. Xét thấy, hai bên đều thống nhất giá trị tài sản chung được phân chia sau khi khấu trừ số tiền 800.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 100.000.000 đồng giá trị sửa chữa căn nhà trên là 5.585.340.000 đồng, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, xác định giá trị tài sản chung được phân chia là 5.585.340.000 đồng.

Xét nguồn gốc căn nhà và đất là do ông H1, bà D là bố mẹ đẻ của ông T1 đã mua của nhà đất của ông H3, bà L1 sau đó sửa chữa nhà rồi giao cho ông T1, bà V quản lý, sử dụng từ đầu năm 2018. Đến năm 2019, hai vợ chồng ông T1, bà V xảy ra mâu thuẫn, sau đó vào đầu năm 2021 bà V chuyển đi nơi khác sinh sống, tài sản là căn nhà và đất do ông T1 quản lý, sử dụng căn nhà trên. Như vậy, nguồn gốc số

tiền để mua căn nhà là tiền của bố mẹ đẻ ông T1, cũng như trong khoảng thời gian bà V chuyển đi khỏi căn nhà từ đầu năm 2021 tới nay, ông T1 một mình giữ gìn, quản lý căn nhà trên, vì vậy, cần xác định công sức đóng góp của ông T1 trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung là lớn hơn bà V.

Từ những lập luận trên và để đảm bảo nguyên tắc lẽ công bằng theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 45 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm Quyết định phân chia cho ông T1 70% giá trị tài sản và bà V 30% giá trị tài sản là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên V, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Do ông T1 hiện đang quản lý và sử dụng căn nhà và đất nêu trên, bà V cũng đã chuyển đi từ đầu năm 2021 và có nơi ở ổn định, vì vậy cần giao cho ông Đỗ Anh T1 quyền quản lý, sử dụng và định đoạt tài sản là nhà và đất tại đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông T1 có trách nhiệm phải trả cho bà V số tiền tương ứng với 30% giá trị phân chia cụ thể là: $5.585.340.000 \times 30\% = 1.675.602.000$ đồng.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thiên V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên V. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 134/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các Điều 33, Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên V:
 - Buộc ông Đỗ Anh T1 thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thiên V 30% giá trị tài sản được chia cụ thể là: 1.675.602.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).
 - Giao cho Ông Đỗ Anh T1 được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số M do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 2/12/2017, số thửa 15, tờ bản đồ số 1, diện tích 293,8m². Có tứ cận: Phía đông giáp đường hẻm P có chiều ngang 7,4m; Phía tây giáp đường H2 dài 7,36m; Phía nam giáp thửa đất số 14 dài 40,01m; Phía bắc giáp thửa đất số 12 dài 39,63m. Trên đất có một căn nhà xây cấp 4 diện tích nhà 95,3m², tọa lạc tại địa chỉ: Đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Đỗ Anh T1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia 01 xe ô tô Biển kiểm soát X, người đứng tên trên giấy đăng ký xe Đỗ Anh T1.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đỗ Minh H1, bà Trần Thị D, về việc buộc ông Đỗ Anh T1 và bà Nguyễn Thị Thiên V trả lại nhà đất tại địa chỉ: Đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Đối với số tiền 427.663.000 đồng mà ông Đỗ Anh T1 tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị Thiên V tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, ngày 25/8/2021 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B gửi tiết kiệm không thời hạn theo Thông báo kết quả thi hành án số 1898/TB-CCTHADS ngày 10/02/2022 được xử lý theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự trong quá trình thi hành án.

5. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thiên V và ông Đỗ Anh T1 mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Bà V được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số 11 ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B. Bà V được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng sau khi thu được từ ông T1.

6. Về án phí:

6.1. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Đỗ Anh T1 phải chịu 110.194.760 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 11.250.000 đồng tiền đã nộp theo Quyết định thi hành án chủ động số 3114/QĐ-CCTHADS ngày 20/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Tổng số tiền án phí ông T1 còn phải nộp là 110.194.670 – 11.250.000 = 98.944.760 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thiên V phải chịu 62.268.060 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn, chia tài sản đã nộp là 41.300.000 đồng theo biên lai thu số 0012848 ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, trong đó phần án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà V phải chịu là 300.000 đồng (đã thi hành theo Quyết định thi hành án chủ động số 3115/QĐ-CCTHADS ngày 20/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

B), bà V được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003822 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà V còn phải nộp số tiền là 20.968.060 đồng.

- Ông Đỗ Minh H1, bà Trần Thị D là người cao tuổi, có đơn miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm.

6.2. Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thiên V phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo các biên lai số 0021314 ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND t.p BMT;
- Chi cục THADS tp B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung